

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

Bản án số: 72/2017/HSPT
Ngày: 16 - 9 - 2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Các Thẩm phán:

1. Ông Hoàng Thanh Dũng
2. Ông Nguyễn Văn Nhân

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Hiếu, Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Ông Lê Phụ Vũ, Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/HSPT ngày 01/8/2017 đối với bị cáo Phạm Thị M do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Thị M, sinh năm 1980 tại Nam Định.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Phạm Văn T (đã chết) và bà Kim Thị V, sinh năm 1959. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trương Khắc T, sinh năm 1982 (hiện nay không còn chung sống); bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

Ngoài ra, trong vụ án còn có 04 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B và Bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 15/02/2017, Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Thị D đến quán cà phê, karaoke 179 tại thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước do Phạm Thị M làm chủ xin làm tiếp viên phục vụ và bán dâm cho khách khi có nhu cầu. Phạm Thị M và Nguyễn Huỳnh Kim N, Nguyễn Thị D thỏa thuận: Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Thị D được Phạm Thị M bao tiền sinh hoạt ăn, ở tại quán, không trả lương, khi có khách vào uống nước hoặc hát karaoke thì ra phục vụ bung bê nước, khi khách có nhu cầu mua bán dâm thì Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Thị D tự thỏa thuận giá cả và bán dâm tại dãy phòng trọ ở phía sau quán của Phạm Thị M. Sau mỗi lần bán dâm Phạm Thị M lấy từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng/lượt. Khoảng 16 giờ ngày 16/02/2017, Nguyễn Văn C và Hà Văn T đến quán 179 của Phạm Thị M để uống rượu và tìm gái mua dâm. Nguyễn Văn C và Tuấn ngồi uống đến khoảng 17 giờ thì Nguyễn Văn C liên hệ với Nguyễn Thị D để mua dâm, Nguyễn Thị D nói giá là 200.000 đồng/lượt thì Nguyễn Văn C đồng ý. Nguyễn Thị D dẫn Nguyễn Văn C đi vào phòng số 03 nhà trọ phía sau quán để mua bán dâm, còn Hà Văn T say nên nằm ngủ tại võng. Lúc này, Nông Văn Q và Nguyễn Văn T đến quán để tìm gái mua dâm. Khi vào quán thì Nông Văn Q và Nguyễn Văn T gặp Phạm Thị M đang ngồi ở ghế đá. Nông Văn Q hỏi Phạm Thị M “có tiếp viên không”, Phạm Thị M trả lời “có” và gọi Nguyễn Huỳnh Kim N ra để giao dịch bán dâm với Nông Văn Q. Nguyễn Huỳnh Kim N nói với Nông Văn Q là 400.000 đồng/lượt bao tiền phòng. Nông Văn Q đồng ý và đưa cho Phạm Thị M số tiền 470.000 đồng gồm tiền mua dâm và tiền nước rồi cùng Nguyễn Huỳnh Kim N đi vào phòng số 02 nhà trọ phía sau quán để mua bán dâm. Do hết tiếp viên nên Nguyễn Văn T nằm võng chờ. Khoảng 18 giờ cùng ngày khi Nông Văn Q và Nguyễn Văn C đang quan hệ tình dục với Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Thị D thì bị lực lượng Công an kiểm tra bắt quả tang.

Bản án Hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B quyết định:

“Tuyên bố bị cáo Phạm Thị M phạm tội “Chứa mại dâm”. Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 254, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị M 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án”.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về vật chứng vụ án, nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo Bản án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/7/2017 bị cáo Phạm Thị M kháng cáo xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho bị cáo được hưởng án treo để nuôi con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát kết luận về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt. Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 254, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị M 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự sửa Bản án sơ thẩm tuyên về xử lý vật chứng vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và lời khai bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo khai nhận hành vi: Ngày 15/02/2017 bị cáo có thỏa thuận cho Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Thị D bán dâm tại phòng trọ của quán cà phê, karaoke 179 tại xã Đ, huyện B do bị cáo làm chủ, mỗi lần bán dâm Ngân và Dâng phải đưa cho bị cáo từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng. Khoảng 16 giờ ngày 16/02/2017, Nguyễn Văn C đến quán tìm mua dâm, Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Văn C thỏa thuận giá bán dâm là 200.000 đồng/lượt. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày Nông Văn Q đến quán tìm mua dâm, Quân và Nguyễn Thị D thỏa thuận giá bán dâm là 400.000 đồng/lượt. Khoảng 18 giờ ngày 16/02/2017, trong khi Nguyễn Huỳnh Kim N và Nguyễn Thị D đang bán dâm cho Nguyễn Văn C và Nông Văn Q thì bị lực lượng Công an bắt quả tang.

[2] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, ảnh hưởng xấu đến nếp sống văn hóa mới và là một trong những nguyên nhân làm lây lan các căn bệnh xã hội cần được loại trừ. Do đó, cần xử phạt bị cáo một mức án

tương xứng với hành vi phạm tội để đảm bảo tính răn đe, giáo dục, phòng ngừa tội phạm và thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo đưa ra các tài liệu như giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn, hồ sơ bệnh án để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét, tuy nhiên các tình tiết này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt với mức án 02 năm tù là phù hợp. Vì vậy, không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt.

Về xử lý vật chứng, đối với số tiền 500.000 đồng thu giữ trên người bị cáo, Tòa cấp sơ thẩm xác định 470.000 đồng là tiền phạm tội mà có và tịch thu sung công quỹ là chưa chính xác mà cần xác định 400.000 đồng là tiền phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ nhà nước; số tiền 70.000 đồng là tiền bán nước và 30.000 đồng không liên quan đến việc mua bán dâm cần tuyên trả lại cho bị cáo. Cần sửa Bản án hình sự sơ thẩm về phần này cho đúng với quy định pháp luật.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm về phần xử lý vật chứng nên bị cáo Phạm Thị M không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003;

Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Thị M. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B về phần hình phạt.

Áp dụng khoản điểm c, khoản 2 Điều 254, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Thị M 02 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án hình phạt tù.

[2] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248; điểm d, khoản 1, Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự 2003;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2017/HSST ngày 27/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B về phần vật chứng vụ án:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 400.000 đồng; Trả lại cho bị cáo Phạm Thị M số tiền 100.000 đồng; Tịch thu tiêu hủy 02 bao cao su hiệu Vip đã qua sử dụng; Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 0009504 ngày 15/5/2017 giữa Công an huyện B với Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

[3] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Thị M không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát ND tỉnh Bình Phước;
- Công an huyện B;
- PV 27, PC 81 Công an tỉnh;
- Tòa án ND huyện B;
- Thi hành án huyện B;
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Viết Hùng